

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 162/2025/DS-PT
Ngày: 12-3-2025
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Minh Trang

Các Thẩm phán: Bà Hà Thị Phương Thanh

Ông Trần Nam Trung

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Xoàn - Thẩm tra viên chính Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ: Ông Bùi Trung Nam - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 25/2026/TLDS-PT ngày 16 tháng 01 năm 2026 về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 89/2025/DS-ST ngày 09/9/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 3 - Cần Thơ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 125/2026/QĐ-PT ngày 02 tháng 02 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Kim H, sinh năm 1962

Địa chỉ: Khu V, phường Ô, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Hồng N, sinh năm 1989.

Văn bản ủy quyền ngày 23/02/2026 (Có mặt).

Địa chỉ: Khu V, phường Ô, thành phố Cần Thơ

- Bị đơn: Bà Hồ Thị Diễm T, sinh năm 1978

Địa chỉ: Số C khu V, phường T, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo ủy quyền:

1. Bà Nguyễn Thị Kiều T1, sinh năm 1986 (Có mặt).

Địa chỉ: Tổ A, ấp B, xã V, tỉnh An Giang.

Địa chỉ liên lạc: Số C đường N, ấp N, xã P, thành phố Cần Thơ.

2. Ông **Nguyễn Châu Chí C**, sinh năm 1982 (Có mặt).

Địa chỉ: Khu V, phường Ô, thành phố Cần Thơ.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Ông Nguyễn Văn T2, sinh năm 1962 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Khu V, phường Ô, thành phố Cần Thơ.

Do có kháng cáo của bị đơn bà Hồ Thị Diễm T

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và qua trình giải quyết nguyên đơn trình bày:

Ngày 13/12/2016 bà Hồ Thị Diễm T có mượn (vay) của bà 5 chỉ vàng 23k. Đến ngày 12/6/2017 bà T có vay của N số tiền 30.000.000 đồng. Bà T tự viết giấy nợ và ký tên giao cho bà giữ. Khi mượn (vay) vàng và tiền thì bà là người trực tiếp giao tiền cho bà T. Đến đầu năm 2019 bà T trả dần cho bà 2 chỉ vàng và trả cho N số tiền đã vay. Nay bà T còn nợ bà số vàng 20 chỉ vàng 24k (tuy nhiên trong giấy nhận nợ bà T ghi vàng 23k). Nay bà yêu cầu bà T trả cho bà số vàng 20 chỉ vàng 23k và lãi tạm tính đến ngày 09/9/2024 là 80.000.000 đồng. Ngày 15/11/2024 bà H có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền lãi 80.000.000 đồng.

* Bà **Bùi Thị Thu T3** là người đại diện theo ủy quyền của bà **Lê Kim H** trình bày: thống nhất với bà H trình bày nêu trên. Ngoài ra, rút lại yêu cầu tính lãi trong quá trình bà T vi phạm nghĩa vụ thanh toán cho đến thời điểm xét xử. Đồng thời, bà H không yêu cầu bà T trả lãi do chậm thanh toán trong giai đoạn thi hành án.

* Theo bị đơn bà **Hồ Thị Diễm T** trình bày: Biên nhận ngày 13/12/2016 không phải chữ ký và chữ viết của bà và bà chưa từng nhận 20 chỉ vàng 24k của bà **Lê Kim H**. Đồng thời, bà T yêu cầu áp dụng thời hiệu giải quyết đối với vụ án. Bà T yêu cầu giải quyết vắng mặt bà. Tại đơn yêu cầu đề ngày 25/3/2025 bà T yêu cầu triệu tập ông **Nguyễn Văn T2** tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Bởi vì đối tượng Tòa án giải quyết là tài sản trong thời kỳ hôn nhân giữa ông T2 và bà H. Đồng thời yêu cầu làm rõ sự minh bạch đối với khối tài sản của ông T2 và bà H.

* **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bà Nguyễn Thị Hồng N** trình bày: Bà là con ruột của bà H và bà T là cháu ruột của bà H. Vào năm 2016 bà T có vay của mẹ bà số vàng 50 chỉ vàng 23k. Ngày 12/6/2017 bà có cho bà T vay số tiền 30.000.000 đồng. Tuy nhiên, đến thời điểm này bà T đã trả đủ số tiền 30.000.000 đồng cho bà. Vì vậy, bà không khởi kiện, không yêu cầu và cũng không có quyền lợi hay nghĩa vụ liên quan gì trong vụ án này.

* Ông **Nguyễn Văn T2** có ý kiến trình bày: Thời điểm vợ con ông cho mượn vàng, ông có biết vì bà T mượn nhiều lần thời gian khác nhau chứ không phải mượn một lần. Mỗi lần vợ ông đưa vàng cho bà T có nói với ông biết và khi bà T trả vợ ông cũng có nói. Hiện tại bà T còn nợ vợ chồng ông 20 chỉ vàng 23k. Vì bà H và bà T có mối quan hệ dì cháu nên ông để vợ ông quyết định và đứng đơn

khởi kiện. Ông không có nghĩa vụ phải chứng minh tài sản của ông có từ đâu. Ông xin vắng mặt trong các phiên hòa giải, xét xử.

** Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 89/2025/DS-ST ngày 09/9/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 3 - Cần Thơ đã tuyên xử:*

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Kim H. Buộc bà Hồ Thị Diễm T trả cho bà Lê Kim H 20 chỉ vàng, loại vàng 23k.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí chi phí giám định chữ ký và quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Ngày 15/9/2025, bị đơn bà Hồ Thị Diễm T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm; yêu cầu cấp phúc thẩm giải quyết bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:

** Đại diện bị đơn kháng cáo đề nghị:* sửa án sơ thẩm, Căn cứ theo biên nhận nợ đã ký tại phiên tòa này đại diện nguyên đơn thừa nhận chữ viết thêm là của nguyên đơn, nên bị đơn chỉ thừa nhận còn nợ 10 chỉ vàng 23k. Đồng thời, yêu cầu tính số tiền trả dư thời điểm năm 2024 số tiền trả dư là 6 triệu đồng tương đương với 01 chỉ vàng và lời thừa nhận của bà H tại bút lục số 12 có nhắc đến bà H đã nhận là vàng 24k, nên tính khấu trừ phần trăm chênh lệch của vàng 23k và 24k. Nay chỉ đồng ý trả 09 chỉ vàng 23k.

** Đại diện nguyên đơn:* Xác định đúng là chữ viết phần cuối biên nhận của bà H, nhưng chính trong biên bản làm việc tại trường bà T xác định còn nợ 20 chỉ vàng 23k, đây là sự thừa nhận của bà T. Số tiền trả trả dư thời điểm năm 2024 là 6 triệu đồng, nay bà đồng ý khấu trừ 01 chỉ vàng cho bà T, nên yêu cầu trả 19 chỉ vàng 23k.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:*

- *Về thủ tục tố tụng:* Từ khi thụ lý theo thủ tục phúc thẩm và tại phiên tòa hôm nay, đương sự và Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn có đơn kháng cáo về hình thức và thời hạn kháng cáo là đúng theo quy định tại Điều 272 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, nên kháng cáo là hợp lệ.

- *Về nội dung giải quyết vụ án:* Qua diễn biến tại phiên tòa và qua đối chiếu tài liệu chứng cứ trong hồ sơ, trên cơ sở ý kiến trình bày của các đương sự,

Xét kháng cáo của bị đơn về việc bị đơn chỉ chấp nhận sau khi khấu trừ trả 09 chỉ vàng 23k. Bị đơn kháng cáo nhưng không đưa ra được căn cứ cho yêu cầu của mình nên không có cơ sở để xem xét đánh giá.

Tại phiên tòa hôm nay, việc bị đơn trả số tiền 6 triệu đồng tương đương với 01 chỉ vàng 24k thời điểm tháng 01/2024, đại diện nguyên đơn đồng ý cân trừ

còn lại yêu cầu là 19 chỉ vàng 24k nên đây là sự tự nguyện của các đương sự nên ghi nhận để sửa một phần bản án.

Từ những phân tích trên, đề nghị: Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, ghi nhận sự thỏa thuận của nguyên đơn áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự: Sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng đã phân tích nêu trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, qua kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền:* Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” với bị đơn và nơi ở hiện tại ấp T, xã T, huyện T, thành phố Cần Thơ (nay là ấp T, xã T, thành phố Cần Thơ). Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thới Lai (Nay là Tòa án nhân dân Khu vực 3 – Cần Thơ) như án sơ thẩm là phù hợp.

[2]. *Về thủ tục tố tụng:* người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T2 vắng mặt, Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nên căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, cấp sơ thẩm và phúc thẩm xét xử vắng mặt là phù hợp.

[3]. *Về thủ tục kháng cáo:* Sau khi xét xử xong bị đơn kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm. Đương sự kháng cáo trong hạn luật định và đã nộp tạm ứng án phí nên hợp lệ về mặt hình thức.

Để xét kháng cáo, cần đánh giá khách quan toàn diện nội dung, cần thiết phải xem xét lại toàn bộ hồ sơ các bên. Lần lượt phân tích từng vấn đề liên quan:

[4]. Xét việc bị đơn kháng cáo chỉ đồng ý trả số vàng còn nợ là 10 chỉ vàng 23K vì bà T chỉ thừa nhận có vay số vàng là 40 chỉ vàng 23k và cho rằng phần viết sau của biên nhận là của nguyên đơn:

[4.1] Tại kết luận giám định số 184/KL-KTHS-TL ngày 22/12/2024 của Phòng K Công an thành phố C kết luận: Chữ ký và chữ viết tại biên nhận nợ do bà H cung cấp so với các mẫu chữ ký và chữ viết thu thập được tại văn bản bà T nộp cho Tòa và các tài liệu thu thập từ nơi làm việc của bà T xác định chữ ký và chữ viết tại biên nhận và các mẫu so sánh là do cùng một người ký, viết ra.

[4.2] Tại kết luận giám định số 377/KL-KHHS ngày 31/7/2025 của Phân viên khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận: Trừ nội dung “*chị D mượn dì H thêm 1 cây vàng 24. Tổng cộng 5 cây*” là không đủ cơ sở giám định. Tất cả các nội dung còn lại của biên nhận với mẫu chữ ký và chữ viết do bà H cung cấp là cùng một người ký ra.

Như vậy, mặc dù bà T không thừa nhận có giao dịch vay tài sản với bà H nhưng căn cứ vào biên nhận nêu trên và kết luận giám định có cơ sở xác định giao dịch giữa bà T và bà H là có xảy ra thực tế.

[4.3] Căn cứ vào chứng cứ khác, đó là sự thừa nhận của bà T tại Trường Tiểu học T4 ngày 07/12/2023 có nội dung “*Cô T hứa sẽ trả lại đúng số vàng và số tiền là 20 chỉ vàng 24k và 22.000.000 đồng theo đơn của bà H với điều kiện là bán đất được*”. Việc bà T thừa nhận nợ là phù hợp với sự thật khách quan vụ án. Cấp sơ thẩm xác định có đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và buộc bị đơn trả số vàng còn nợ là 20 chỉ vàng 23k là phù hợp.

[5]. Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn nại ra việc tính lại chênh lệch của vàng 23k và 24k nhưng đại diện nguyên đơn không đưa ra được yêu cầu cụ thể nên không đánh giá xem xét yêu cầu này.

Riêng đối với việc bị đơn có trả dư số tiền 6 triệu đồng tương đương với 01 chỉ vàng 23k thời điểm tháng 01/2024, đại diện nguyên đơn đồng ý cần trừ còn lại yêu cầu là 19 chỉ vàng 23k nên đây là sự tự nguyện của các đương sự nên ghi nhận để sửa một phần bản án.

[6]. Bị đơn kháng cáo nhưng không đưa ra chứng cứ nào thêm mới, tuy nhiên có ghi nhận việc tự nguyện khấu trừ lại một phần trên số nợ gốc nên tuy không chấp nhận kháng cáo của bị đơn nhưng có sửa lại một phần bản án do có điều chỉnh thay đổi.

[7]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Do có điều chỉnh tiền phải trả nên có sửa lại án phí giá ngạch theo số tiền phải trả cho nguyên đơn. Căn cứ giá vàng cập nhật trên internet vào ngày 09/9/2025 giá vàng 23k có giá 11.780.000 đồng/ 01 chỉ đây là để tính án phí dân sự bị đơn phải chịu

[8]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Do được chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo nên bị đơn không phải chịu án phí,

[9]. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát như đã nêu trên là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

Khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn: Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số: 89/2025/DS-ST ngày 09 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 3 - Cần Thơ.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Kim H. Buộc bà Hồ Thị Diễm T trả cho bà Lê Kim H 19 (mười chín) chỉ vàng, loại vàng 23k.

2. Về chi phí giám định chữ ký: Yêu cầu của bà H được chấp nhận nên bà T phải chịu. Bà T đã nộp và chi hết 2.200.000 đồng. Bà H đã nộp và chi hết 7.000.000 đồng, buộc bà T hoàn lại cho bà H số tiền 7.000.000 đồng.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Hồ Thị Diễm T phải nộp 11.162.500 đồng (Mười một triệu, một trăm sáu mươi hai nghìn, năm trăm đồng) tại Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ. Bà Lê Kim H không phải nộp.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: Không ai phải chịu.

Bà Hồ Thị Diễm T được nhận lại 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003289 ngày 19/9/2025 tại Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án. (Ngày 12/3/2026).

Nơi nhận:

- VKSND TP. Cần Thơ;
- TAND Khu vực 3 - Cần Thơ;
- Thi hành án dân sự TP. Cần Thơ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Lê Thị Minh Trang